

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+RP3+RC5	7:25	13+8+1	0+0+0		4+17+1	0+0+0	
2		TD1+BK20+PVD1	7:25	17+4+1	0+0+0		15+2+5	0+0+0	
3		TD5+BK10	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
4		TD1+P2+P5	9:25	18+4+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
5		PL+P3+BK10	9:25	9+10	0+0		10+12	0+0	
6		TD5+P1+TD1	9:25	14+5+3	0+0+0		4+7+9	0+0+0	

Phân bổ vé
max

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Di về trong ngày -PPd-Ing



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - RP3 - RC5	CREW: Nam - Sơn - Q.Trường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH PHONG	PPD					100	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	PPD	40-41	2	12	80	100	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	48	1	5		82	KHI	Vietnamese
4	PHAN NGỌC QUYẾT	PPD	49	1	4		75	NIPI	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH PHI	PPD	50	1	5		62	NIPI	Vietnamese
6	TRẦN LÊ RANG	PPD	47	1	4		82	KHI	Vietnamese
7	LÊ VĂN YÊN	PPD	44	1	3		70	KHI	Vietnamese
8	DIỆP XUÂN PHONG	PPD	39	1	4		70	KHI	Vietnamese
9	HỒ XUÂN LAM	PPD	43	1	4		75	KHI	Vietnamese
10	KHÔNG MINH HUNG	PPD	38	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN HOANG	PPD	42	1	7		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH KHOA	PPD	45-46	2	6		72	KHI	Vietnamese
13	LY CHUYỀN CHIÊU	PPD	51	1	13		70	PSV	Vietnamese
14	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	300	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH TUNG	RP3	08	1	10	27	70	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ DUY ĐỨC	RP3	02	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM MINH TRUNG	RP3	03-04	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
18	LƯU VĂN LUẬN	RP3	05	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU THIÊN	RP3	06-07	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
20	LA VĂN ĐỨC	RP3	01	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN PHÚC HIẾN	RP3	09-10	2	15		90	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN THẾ TIẾN	RC5	51-52	2	14	15	78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	14	72	998	80	4		
2	RP3	8	11	106	586	27	17		
3	RC5	1	2	14	78	15	1		
TOTAL		22	27	192	1.662	122	22		
WEIGHT KG				192	1.662	122			

GRAND TOAL: 1.976 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2023	TO: TD1 - BK20 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - N.Nam	ETA: 09:25
CAM-1			

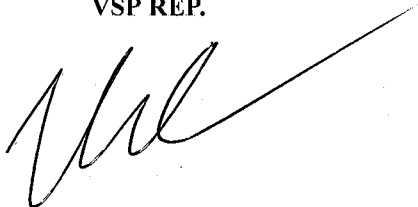
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TUẤN ANH	TD1	82	1	5		78	XNK	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC TIN	TD1	98-99	2	11		60	TOS	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD1	96	1	7		73	TOS	Vietnamese
4	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1	87	1	6		115	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN THANH HIẾU	TD1	83-84	2	9		88	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DANH QUY	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	88-89	2	11		80	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VĂN DUY	TD1	91	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN HOÀN	TD1	92-93	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	85	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM MINH THẮNG	TD1	90	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	80	1	6		93	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUU HOANG QUAN	TD1	81	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN THANH TUẤT	TD1	79	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	KUSTOV	TD1	86	1	5		95	NIPI	Russian
16	VŨ QUÝ VINH	TD1	94-95	2	10		74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	97	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG TRỌNG BAI	BK20	45	1	15	90	69	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGHỊ	BK20	43	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ CHI CONG	BK20	46	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN NAM THẮNG	BK20	44	1	20		99	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ MẠNH THẮNG	PVD1	76	1	5	13	65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

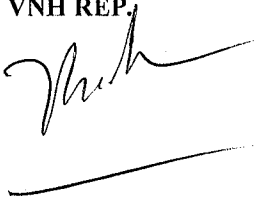
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	21	114	1.308	0	15		
2	BK20	4	4	60	288	90	2		
3	PVD1	1	1	5	65	13	5		
TOTAL		22	26	179	1.661	103	22		
WEIGHT KG				179	1.661	103			

GRAND TOAL: 1.943 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD5 - BK10	CREW: LHải - HĐức - HTNam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUSTAVOV V.S.	TD5	51	1	10		116	D-HANH	Russian
2	FOK S.I.	TD5	54	1	8		130	KHOAN	Russian
3	PAVLYCHEV VLADIMIR	TD5	53	1	5		85	KHOAN	Russian
4	SOTRIVEX IGOR	TD5	52	1	5		105	KHOAN	Russian
5	DATSKO PAVEL	BK10	71	1	5		108	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN TIẾN SINH	BK10	67	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN MINH TRUNG	BK10	66	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ MINH TŨ	BK10	76	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LỘC	BK10	65	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG TÂM	BK10	63	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HỮU SƠN	BK10	68	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HẢI	BK10	70	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN BÓN	BK10	64	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO THANH LIÊM	BK10	72	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
15	VĂN ĐÌNH QUANG	BK10	77-78	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH THỤ	BK10	61	1	4	18	65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THÀNH	BK10	79-80	2	8		65	KHOAN	Vietnamese
18	QUÁCH VĂN THAO	BK10	73-74	2	12		73	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU ĐẠT	BK10	75	1	9	40	75	KHOAN	Vietnamese
20	LUƠNG NGỌC KHUÔNG	BK10	84-86	3	18		77	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM MINH HOÀNG	BK10	69	1	10		95	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG TRƯỞNG	BK10	89	1	5		77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	4	4	28	436	0	0		
2	BK10	18	23	141	1.336	58	22		
TOTAL		22	27	169	1.772	58	22		
WEIGHT KG				169	1.772	58			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: TD1 - P2 - P5	CREW: Nam - N.Cuong - Q.Trường	ETA: 11:40
XANH-2			

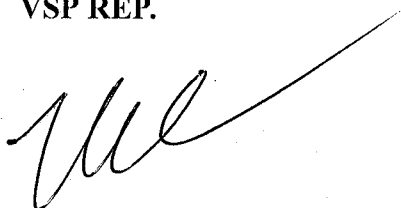
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC THÁI	TD1	01	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN DUY TÂN	TD1	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD1	08	1	5	40	75	KHOAN	Vietnamese
4	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	01	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ NGỌC SƠN	TD1	08-09	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	20	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC QUANG	TD1	03	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	06-07	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	10	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
10	HÀ MINH TUÂN	TD1	04	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	18-19	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD1	05	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	MAI XUÂN TÙNG	TD1	13	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HẢI LÂM	TD1	11-12	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
15	MAI TUÂN KIẾT	TD1	02	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	KHUƠNG THANH DƯƠNG	TD1	14-15	2	10		70	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐỖ CÔNG TIẾN	TD1	11-13	3	19		70	ANTOAN	Vietnamese
18	PHẦN THANH TỊNH	TD1	16-17	2	18		65	DVL	Vietnamese
19	PHẠM THANH HÙNG	P2	24	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	20	1	5	70	70	PSV	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC CƯỜNG	P2	23	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	BUI HỮU TRI	P2	21-22	2	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

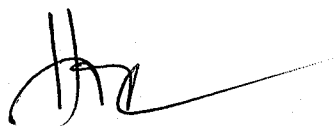
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	26	164	1.319	40	15		
2	P2	4	5	25	270	70	5		
3	P5	0	0	0	0	15	2		
TOTAL		22	31	189	1.589	125	22		
WEIGHT KG				189	1.589	125			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: P4 - P7 - BK10	CREW: Hạnh - N.ANH - N.Nam	ETA: 11:45
CAM-2			

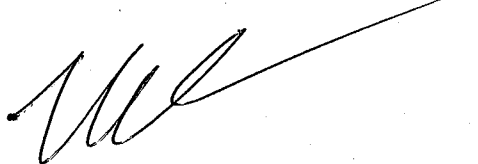
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH CANG	P4	26	1	5	60	76	KHI	Vietnamese
2	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	19	1	5		71	PSV	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P4	22	1	6		55	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	21	1	4		54	PSV	Vietnamese
5	LƯU ĐÌNH THAI	P4	23	1	4		56	PSV	Vietnamese
6	ĐỖ QUANG KHAI	P4	24	1	11		84	PSV	Vietnamese
7	TRẦN CHÍNH CƯỜNG	P4	25	1	11		70	PSV	Vietnamese
8	DO MANH DUNG	P4	20	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐÌNH	BK10	96	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
10	LE MINH HIỆP	BK10	91	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN THANH TÂM	BK10	1000	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG BẢNG	BK10	95	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUY TUYẾN	BK10	92	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐĂNG KHOA	BK10	94	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	BK10	97-99	3	18		65	KHOAN	Vietnamese
16	TÔ ANH TUẤN	BK10	90	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN MẠNH	BK10	93	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	BK10					80	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

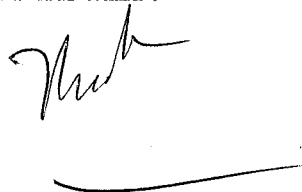
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	8	51	521	60	9		
2	P7	0	0	0	0	0	1		
3	BK10	10	11	78	707	0	12		
TOTAL		18	19	129	1.228	60	22		
WEIGHT KG				129	1.228	60			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

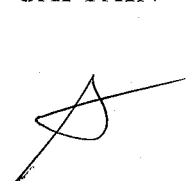
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2023	TO: TD5 - P1 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LHải - HĐức - HTNam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH HÙNG	TD5	77	1	10	10	71	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD5	85	1	5		70	DVL	Vietnamese
3	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD5	73	1	7		75	DVL	Vietnamese
4	MULNHIUCHKIN V. V.	TD5	78	1	15		93	DVL	Russian
5	NGUYỄN CHÍ LINH	TD5	90	1	10		81	DVL	Vietnamese
6	VU VĂN TRUNG	TD5	74	1	10	16	60	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD5	76	1	14		87	DVL	Vietnamese
8	TRẦN THAI AN	TD5	88	1	13		72	DVL	Vietnamese
9	BUI ĐỨC TRUNG	TD5	89	1	10	6	72	DVL	Vietnamese
10	ONG VAN NAM	TD5	79	1	14		60	BAKER HUC	Vietnamese
11	LE CONG TRANG	TD5	86-87	2	20		65	BAKER HUC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	91-92	2	18		73	BAKER HUC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	TD5	83-84	2	20		67	BAKER HUC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC HUAN	TD5	80-82	3	19		75	BAKER HUC	Vietnamese
15	TRẦN KIM CUÔNG	P1	78-79	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	76	1	3		70	PSV	Vietnamese
17	LÊ HỒNG MINH	P1	77	1	7		70	PSV	Vietnamese
18	PHẦN SỸ HOÀN	P1	75	1	6		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	73-74	2	19		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD1	06	1	8	40	66	DVL	Vietnamese
21	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	05	1	3		70	PSV	Vietnamese
22	VU HOANG QUAN	TD1	07	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	14	19	185	1.021	32	4		
2	P1	5	7	43	336	0	7		
3	TD1	3	3	16	193	40	9		
TOTAL		22	29	244	1.550	72	20		
WEIGHT KG				244	1.550	72			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

